



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 41

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ASP.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên
	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
	Ông Jimba Kentaro	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2018)
	Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Công ty và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Minh Loan**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số: 347/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

A blue ink signature of Nguyễn Tiên Trình.

---

**Nguyễn Tiên Trình****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>510.273.039.968</b>	<b>537.338.181.366</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>56.788.635.035</b>	<b>61.960.539.248</b>
1. Tiền	111		56.788.635.035	61.960.539.248
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>49.533.338.057</b>	<b>127.860.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		49.533.338.057	127.860.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>301.107.958.387</b>	<b>268.148.069.109</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	275.562.256.035	194.949.429.432
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.524.779.066	17.514.081.546
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	400.000.000	10.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	22.354.695.741	48.445.077.265
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(11.390.858.898)	(3.361.719.134)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.657.086.443	1.200.000
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>74.190.470.273</b>	<b>62.082.765.992</b>
1. Hàng tồn kho	141		74.190.470.273	62.082.765.992
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.652.638.216</b>	<b>17.286.807.017</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	9.853.239.494	6.576.598.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.763.650.513	9.453.297.074
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	1.035.748.209	1.256.911.335
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.060.902.149.810</b>	<b>808.894.222.231</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>84.293.622.562</b>	<b>89.507.755.255</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	18.337.320.000	27.631.204.018
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	65.956.302.562	61.876.551.237
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102.756.459.771</b>	<b>61.792.173.818</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	86.711.774.829	49.987.385.349
- Nguyên giá	222		247.168.870.887	168.566.646.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.457.096.058)	(118.579.261.042)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		328.437.146	328.437.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(328.437.146)	(328.437.146)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	16.044.684.942	11.804.788.469
- Nguyên giá	228		20.668.594.646	14.745.212.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.623.909.704)	(2.940.424.296)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>1.024.044.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.024.044.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>87.282.038.342</b>	<b>72.965.791.888</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.410.738.342	43.094.491.888
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.351.300.000	29.871.300.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(480.000.000)	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>786.570.029.135</b>	<b>583.604.457.270</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	538.457.266.828	405.352.251.523
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	248.112.762.307	178.252.205.747
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.571.175.189.779</b>	<b>1.346.232.403.597</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.089.759.886.645</b>	<b>922.115.035.468</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>768.310.595.843</b>	<b>747.553.624.687</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	236.818.205.926	212.282.646.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.498.779.491	5.752.166.184
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	12.043.195.837	14.278.991.750
4. Phải trả người lao động	314		11.096.717.620	7.967.087.083
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	21.573.693.451	2.657.780.734
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	7.120.964.687	5.098.940.376
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	477.596.905.029	498.953.877.966
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>321.449.290.802</b>	<b>174.561.410.781</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	61.232.713.831	33.547.350.781
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	257.885.416.000	139.340.060.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.27	2.331.160.971	1.674.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>481.415.303.133</b>	<b>424.117.368.129</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>481.415.303.133</b>	<b>424.117.368.129</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.230.235.181	1.768.793.833
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		356.546.460	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.397.044.230	44.927.297.144
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(31.895.312.140)	726.999.979
- LNST chưa phân phối kì này	421b		112.292.356.370	44.200.297.165
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		23.602.407.162	2.592.207.052
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.571.175.189.778</b>	<b>1.346.232.403.597</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Bửu Tuấn



Huỳnh Bửu Tuấn



Trần Minh Loan

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.778.802.118.680	1.959.197.338.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		136.869.966.480	49.255.525.062
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	2.641.932.152.200	1.909.941.813.559
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.141.536.138.916	1.501.059.086.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		500.396.013.284	408.882.727.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	6.295.822.411	4.142.411.997
7. Chi phí tài chính	22	5.22	41.039.984.565	20.956.309.875
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.398.616.015	19.205.602.554
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.285.804.851	9.342.975.717
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	332.759.366.386	279.257.845.593
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	78.266.140.711	83.396.783.059
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		57.912.148.884	38.757.176.226
12. Thu nhập khác	31	5.25	10.314.961.279	22.998.854.299
13. Chi phí khác	32	5.25	609.073.749	66.965.414
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.705.887.530	22.931.888.885
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		67.618.036.414	61.689.065.111
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	9.677.960.350	16.638.833.470
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.907.160.971	900.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		55.032.915.093	44.150.231.641
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		56.945.936.391	44.110.042.557
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.913.021.298)	40.189.084
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	1.525	1.181

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Bửu Tuấn

Huỳnh Bửu Tuấn

Trần Minh Loan



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	67.618.036.414	61.689.065.111
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	19.359.736.807	13.270.191.962
- Các khoản dự phòng	3	8.029.139.764	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	2.550.000.000	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(16.180.335.410)	(12.838.412.886)
- Chi phí lãi vay	6	27.398.616.015	19.205.602.554
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	108.775.193.590	81.326.446.741
- Biến động các khoản phải thu	9	(72.853.307.744)	(164.104.786.080)
- Biến động hàng tồn kho	10	(12.107.704.281)	(20.202.974.818)
- Biến động các khoản phải trả	11	121.122.202.803	67.239.802.365
- Biến động chi phí trả trước	12	(158.680.983.183)	(92.816.486.760)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.494.352.924)	(17.997.840.369)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.156.084.750)	(10.885.672.214)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	42.418.166.440
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(52.395.036.488)</b>	<b>(115.023.344.695)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.347.024.365)	(15.681.897.744)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.251.878.182	12.666.577.732
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(172.931.184.057)	(272.405.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	251.257.846.000	176.820.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(126.081.121.007)	(147.626.620.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.880.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.718.657.709	3.851.196.958
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.130.947.538)</b>	<b>(235.495.143.054)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.515.716.001.973	1.376.053.457.894
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.421.077.618.910)	(1.012.879.131.628)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.284.303.250)	(7.441.084.020)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>72.354.079.813</b>	<b>355.733.242.246</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.171.904.213)</b>	<b>5.214.754.497</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>61.960.539.248</b>	<b>56.745.784.751</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>56.788.635.035</b>	<b>61.960.539.248</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Huỳnh Bửu Tuấn

Huỳnh Bửu Tuấn



Trần Minh Loan



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Sở hữu vốn tại ngày 31/12/2018:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp	Tỷ lệ đã góp (%)
	đến 31/12/2018 VND	
<b>I. Các cổ đông</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>Các cổ đông lớn</b>	<b>201.865.260.000</b>	<b>54,06%</b>
1 Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	48,20%
2 Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	5,86%
<b>Các cổ đông nhỏ</b>	<b>171.534.030.000</b>	<b>45,94%</b>
1 Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	1,25%
2 Các cổ đông khác	166.860.030.000	44,69%
<b>Tổng</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của nhóm Công ty trong năm 2018: Mua bán, phân phối, nhập khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

**1.3. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con được hợp nhất và công ty liên kết như sau:

**Các Công ty con trực tiếp:**

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,57%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,57%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần MT Gas
- Địa chỉ	:	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	67,19 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	67,19 %

**Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)**

- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,94%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,94%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Nam Gas
- Địa chỉ	:	40/18 Ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn
- Địa chỉ	:	Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	100 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	100 %



**1.3. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)****Danh sách các Công ty liên kết:**

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Bình khí Hong Vina
- Địa chỉ	:	295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	35%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang
- Địa chỉ	:	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát
- Địa chỉ	:	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt
- Địa chỉ	:	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH TM DV Minh Thảo
- Địa chỉ	:	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đức Hải
- Địa chỉ	:	Tổ 92, lô 8 A1.1, Hòa Minh, phường Hòa Minh Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần
- Địa chỉ	:	Số 4 phố Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	40,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	60,00%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.



**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm, Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn với số vốn góp là 20.000.000.000 đồng, chiếm 100 % tổng vốn của Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần MT Gas với tổng số lượng là 4.232.970 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 42.329.700.000 đồng, chiếm 67,19% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần MT Gas, Công ty mua với giá là 35.645.251.007 đồng. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 2.400.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 24.000.000.000 đồng, chiếm 40% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần và Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 12.000.000.000 đồng, chiếm 20% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần, Công ty mua với tổng giá mua là 84.000.000.000 đồng.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

###### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

###### *a. Nguyên tắc kế toán*

###### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Nhóm tài sản**

	<b>2018</b>
	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Hao mòn của tài sản cố định vô hình phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Nguyên tắc kế toán thuế tài chính**

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là giá trị vô bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vô bình gas. Chi phí vô bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vô bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vô bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 3 năm.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

##### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



**-4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.752.087.342	7.979.112.024
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.036.547.693	53.981.427.224
<b>Tổng</b>	<b>56.788.635.035</b>	<b>61.960.539.248</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

## 5.2 Đầu tư chứng khoán đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Ngắn hạn	49.533.338.057	49.533.338.057	127.860.000.000	127.860.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	49.533.338.057	49.533.338.057	127.860.000.000	127.860.000.000
Dài hạn				
<b>Tổng</b>	<b>49.533.338.057</b>	<b>49.533.338.057</b>	<b>127.860.000.000</b>	<b>127.860.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng thương mại từ 3 đến 12 tháng.

## 5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>275.562.256.035</b>	<b>194.949.429.432</b>
Công ty CP Năng Lượng An Phú	152.530.946.230	31.580.535.697
Công ty CP Kinh Doanh Và XNK	5.057.425.899	-
Khí Gas Hòa Lóng Vạn Lộc		
Công ty TNHH Dầu tư & Phát triển	12.263.783.407	6.276.853.945
Tân Đại Phát		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	9.127.502.465	4.141.122.251
Công ty TNHH Vinh Quang	9.067.180.575	2.725.238.751
Công ty CP SX & KD Thương mại Thành Đạt	13.884.085.176	4.301.363.618
Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Hà An	4.861.073.255	5.607.841.720
Khách hàng khác	68.770.259.028	140.316.473.450
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>275.562.256.035</b>	<b>194.949.429.432</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Phải thu cho vay ngắn hạn</b>	<b>400.000.000</b>	<b>10.600.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Minh Giá	-	10.200.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ	200.000.000	200.000.000
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình	200.000.000	200.000.000
<b>b) Phải thu cho vay dài hạn</b>	<b>18.337.320.000</b>	<b>27.631.204.018</b>
Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn	-	13.400.000.000
Công ty CP SX TM Và KD Thành Đạt	5.520.000.000	5.370.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Tân Đại Phát	8.217.320.000	4.261.204.018
<b>Tổng</b>	<b>18.737.320.000</b>	<b>38.231.204.018</b>

**5.5 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.354.695.741</b>	-	<b>48.445.077.265</b>	-
- Tạm ứng	6.229.295.537	-	26.010.650.959	-
- Ký cược, ký quỹ	1.974.600.000	-	1.389.913.000	-
- Ứng tiền cho Ông Trần Minh Loan mua Cổ phần Công ty Đồng Phương	9.410.327.455	-	9.410.327.455	-
- Công ty CP Sài Gòn Cửu Long	-	-	4.932.760.000	-
- Công ty TNHH Đặng Toàn	-	-	4.450.000.000	-
- Phải thu khác	4.740.472.749	-	2.251.425.851	-
<b>Dài hạn</b>	<b>65.956.302.562</b>	-	<b>61.876.551.237</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	38.875.615.004	-	24.623.323.679	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan [1]	14.443.187.558	-	19.443.227.558	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu [2]	3.185.000.000	-	3.685.000.000	-
- Phải thu ủy thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa [3]	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	4.672.500.000	-	9.345.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>88.310.998.303</b>	-	<b>110.321.628.502</b>	-

[1] Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan. Trong kỳ, Công ty thực hiện giảm nợ với số tiền là 2.500.020.000 đồng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 19/10/2017.

[2] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[3] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Khí hóa lỏng	184.446	2.299.938.330	-	-
- Gas bình 45 kg	8.338	116.828.117	-	-
- Hàng hóa khác	-	28.797.753	-	-
- Tài sản khác	-	211.522.243	-	1.200.000
<b>Tổng</b>	<b>192.784</b>	<b>2.657.086.443</b>	<b>-</b>	<b>1.200.000</b>

Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại 31/12/2018 chủ yếu là giá trị hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê thực tế so với sổ sách phát sinh từ năm 2014 trở về trước của Công ty Cổ phần MT Gas. Hiện tại, Công ty vẫn đang xem xét hướng xử lý đối với giá trị tài sản thiếu này.

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.863.835.318	-	318.837.955	-
Công cụ, dụng cụ	2.359.454.576	-	1.621.808.890	-
Chi phí SX KDDD	523.693.455	-	467.852.224	-
Thành phẩm	839.130.137	-	-	-
Hàng hóa	68.604.356.787	-	59.674.266.923	-
<b>Tổng</b>	<b>74.190.470.273</b>	<b>-</b>	<b>62.082.765.992</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.853.239.494</b>	<b>6.576.598.608</b>
- Phí bảo lãnh mua LPG	68.145.441	390.442.799
- Chi phí thuê văn phòng và khác	9.785.094.053	6.186.155.809
<b>b) Dài hạn</b>	<b>538.457.266.828</b>	<b>405.352.251.523</b>
- Chi phí mua vỏ chai LPG	424.704.504.368	354.598.427.618
- Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG	100.342.822.305	39.335.834.200
- Chi phí thuê đất dài hạn	1.771.742.607	3.897.833.739
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.638.197.548	7.520.155.966
<b>Tổng</b>	<b>548.310.506.322</b>	<b>411.928.850.131</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.9 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>14.278.991.750</b>	<b>279.359.832.868</b>	<b>281.595.628.781</b>	<b>12.043.195.837</b>
Thuế GTGT	2.286.146.093	221.720.177.962	220.504.531.486	3.501.792.569
Thuế xuất, nhập khẩu	-	45.041.911.897	45.041.911.897	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.579.475.187	9.482.405.040	13.156.084.750	7.905.795.477
Thuế thu nhập cá nhân	375.525.885	2.617.507.500	2.403.426.181	589.607.204
Các loại thuế khác	37.844.585	482.674.467	482.674.467	37.844.585
Các khoản phí, lệ phí và các khoản p	-	15.156.002	7.000.000	8.156.002
<b>Phải thu</b>	<b>1.256.911.335</b>	<b>355.175.608</b>	<b>134.012.482</b>	<b>1.035.748.209</b>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	263.335	263.335	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.194.617.881	195.555.310	100.776	999.163.347
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	60.393.442	159.356.963	133.911.706	34.948.185
Các khoản khác phải thu nhà nước	1.636.677	-	-	1.636.677



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.10 Tài sản cố định hữu hình**

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2018	25.364.740.393	83.567.164.709	58.240.692.364	1.394.048.925	-	168.566.646.391	
Tăng trong năm	53.182.919.783	40.219.346.673	20.046.104.361	1.117.531.855	2.074.966.236	116.640.868.908	
Mua trong năm	3.023.167.449	9.995.220.456	10.562.750.460	364.940.000	-	23.946.078.365	
Tặng do hợp nhất kinh doanh	50.159.752.334	30.224.126.217	9.483.353.901	752.591.855	2.074.966.236	92.694.790.543	
Giảm trong năm	6.436.960.564	28.109.484.091	3.182.177.457	310.022.300	-	38.038.644.412	
Thanh lý nhượng bán	6.436.960.564	28.109.484.091	3.182.177.457	227.558.840	-	37.956.180.952	
Giảm khác	-	-	-	82.463.460	-	82.463.460	
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>72.110.699.612</b>	<b>95.677.027.291</b>	<b>75.104.619.268</b>	<b>2.201.558.480</b>	<b>2.074.966.236</b>	<b>247.168.870.887</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại 01/01/2018	19.378.432.273	62.411.852.444	35.719.292.325	1.069.684.000	-	118.579.261.042	
Tăng trong năm	40.583.602.916	15.956.537.423	12.893.766.986	993.254.893	1.998.443.721	72.425.605.939	
Khấu hao trong năm	5.069.707.409	5.954.585.062	7.086.145.550	240.663.038	16.333.332	18.367.434.391	
Tặng do hợp nhất kinh doanh	35.513.895.507	10.001.952.361	5.807.621.436	752.591.855	1.982.110.389	54.058.171.548	
Giảm trong năm	5.905.266.422	21.150.304.744	3.182.177.457	310.022.300	-	30.547.770.923	
Thanh lý nhượng bán	5.905.266.422	21.150.304.744	3.182.177.457	227.558.840	-	30.465.307.463	
Giảm khác	-	-	-	82.463.460	-	82.463.460	
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>54.056.768.767</b>	<b>57.218.085.123</b>	<b>45.430.881.854</b>	<b>1.752.916.593</b>	<b>1.998.443.721</b>	<b>160.457.096.058</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2018	5.986.308.120	21.155.312.265	22.521.400.039	324.364.925	-	49.987.385.349	
Tại ngày 31/12/2018	18.053.930.845	38.458.942.168	29.673.737.414	448.641.887	76.522.515	86.711.774.829	

(3) A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.11 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	14.562.637.765	182.575.000	14.745.212.765
Tăng trong năm	5.297.199.904	626.181.977	5.923.381.881
Mua trong năm	-	424.990.000	424.990.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.297.199.904	201.191.977	5.498.391.881
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>19.859.837.669</u>	<u>808.756.977</u>	<u>20.668.594.646</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	2.824.592.701	115.831.595	2.940.424.296
Tăng trong năm	1.350.665.935	332.819.473	1.683.485.408
Khấu hao trong năm	842.911.930	149.390.486	992.302.416
Tăng do hợp nhất kinh doanh	507.754.005	183.428.987	691.182.992
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>4.175.258.636</u>	<u>448.651.068</u>	<u>4.623.909.704</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2018	<u>11.738.045.064</u>	<u>66.743.405</u>	<u>11.804.788.469</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>15.684.579.033</u>	<u>360.105.909</u>	<u>16.044.684.942</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.12 Đầu tư tài chính dài hạn**

Mẫu B 09-DN/HN

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty TNHH Đức Hải	49,00%	49,00%	28.752.715.625	-	39.952.715.625	-
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH DV TM Minh Thảo	30,00%	30,00%	10.725.395.625	-	10.725.395.625	-
Công ty TNHH Thành Đạt	49,00%	49,00%	9.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
Công ty TNHH Vinh Quang	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	2.385.320.000	-
Công ty Cổ phần Ngọc Lúa Thuận	0,00%	0,00%	1.372.000.000	-	1.372.000.000	-
<b>Tổng</b>			<b>28.752.715.625</b>	<b>-</b>	<b>39.952.715.625</b>	<b>-</b>

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			55.351.300.000	54.871.300.000	29.871.300.000	29.871.300.000
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Thuận Sáng			9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Đầu tư của hàng LPG - Nam gas			6.740.000.000	6.740.000.000	-	6.740.000.000
Công ty CP Năng Lượng VinaBenny			13.531.300.000	13.531.300.000	-	13.531.300.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thuận Lửa			480.000.000	-	(480.000.000)	-
<b>Tổng</b>			<b>55.351.300.000</b>	<b>54.871.300.000</b>	<b>29.871.300.000</b>	<b>29.871.300.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.13 Lợi thế thương mại**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01	178.252.205.747	86.162.992.826
Tăng trong năm	93.310.225.978	120.073.777.941
Phân bổ trong năm	23.449.669.418	27.984.565.020
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>248.112.762.307</b>	<b>178.252.205.747</b>

Trong năm, Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn với số vốn góp là 20.000.000.000 đồng, chiếm 100 % tổng vốn của Công ty TNHH TM DV Đặng Toàn. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ phần MT Gas với tổng số lượng là 4.232.970 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 42.329.700.000 đồng, chiếm 67,19% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần MT Gas, Công ty mua với giá là 35.645.251.007 đồng. Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 2.400.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 24.000.000.000 đồng, chiếm 40% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần và Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần với tổng số lượng là 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ CP, tương ứng số vốn góp là 12.000.000.000 đồng, chiếm 20% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thần, Công ty mua với tổng giá mua là 84.000.000.000 đồng. Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch này là 93.310.225.978 đồng.

**5.14 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>236.818.205.926</b>	<b>236.818.205.926</b>	<b>212.282.646.792</b>	<b>212.282.646.792</b>
Công ty TNHH Lạc Hóa				
Dầu Bình Sơn	37.303.184.577	37.303.184.577	47.802.151.064	47.802.151.064
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	29.084.276.271	29.084.276.271	83.601.586.093	83.601.586.093
Công ty cổ phần kinh doanh Khí Miền Bắc	12.295.170.738	12.295.170.738	-	-
Công ty TNHH Bình Khí Đốt HongVina	6.987.216.981	6.987.216.981	14.281.436.400	14.281.436.400
Itocho Petroleum Co., Pte., Ltd	11.222.644.624	11.222.644.624	43.969.832.192	43.969.832.192
Các đối tượng khác	139.925.712.735	139.925.712.735	22.627.641.043	22.627.641.043
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>236.818.205.926</b>	<b>236.818.205.926</b>	<b>212.282.646.792</b>	<b>212.282.646.792</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>21.573.693.451</b>	<b>2.657.780.734</b>
Chi phí lãi vay	4.104.714.886	2.200.451.795
Chi phí phải trả khác	17.468.978.565	457.328.939
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>21.573.693.451</b>	<b>2.657.780.734</b>

**5.16 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.120.964.687</b>	<b>5.098.940.376</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.646.211	-
Kinh phí công đoàn	1.158.994.500	146.980.249
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	358.417.565	263.428.747
Phải trả về cổ phần hoá	76.682.169	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.956.709.736	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	789.326.499	669.904.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.769.188.007	4.018.626.831
<b>b) Dài hạn</b>	<b>61.232.713.831</b>	<b>33.547.350.781</b>
Nhận ký quỹ, ký cược vô hình gas	61.232.713.831	33.547.350.781
<b>Tổng</b>	<b>68.353.678.518</b>	<b>38.646.291.157</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>477.596.905.029</b>	<b>477.596.905.029</b>	<b>1.515.716.001.973</b>	<b>1.537.072.974.910</b>	<b>498.953.877.966</b>	<b>498.953.877.966</b>
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Chi nhánh Hà Nội [1]	39.181.884.188	39.181.884.188	289.452.312.312	284.464.159.704	34.193.731.580	34.193.731.580
Ngân hàng Bangkok - Chi nhánh Hà Nội [2]	183.329.033.675	183.329.033.675	526.113.083.979	468.116.766.231	125.332.715.927	125.332.715.927
BANGKOK BANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh [3]	38.737.598.242	38.737.598.242	111.401.597.742	122.017.424.907	49.353.425.407	49.353.425.407
Ngân hàng TMCP Á Châu [4]	4.489.000.000	4.489.000.000	28.428.702.784	23.939.702.784	-	-
Công ty Saisan [9]	-	-	2.950.000.000	116.625.000.000	113.675.000.000	113.675.000.000
Ông Trần Quốc Bửu [5]	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Minh Thông [6]	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Mizuho - Chi nhánh Hồ Chí Minh [7]	79.866.131.416	79.866.131.416	271.842.237.089	301.109.154.190	109.133.048.517	109.133.048.517
TOKYO-MITSUBISHI BANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh [8]	91.993.257.508	91.993.257.508	245.528.068.067	220.800.767.094	67.265.956.535	67.265.956.535
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>257.885.416.000</b>	<b>257.885.416.000</b>	<b>120.165.000.000</b>	<b>1.619.644.000</b>	<b>139.340.060.000</b>	<b>139.340.060.000</b>
Công ty Saisan [9]	255.585.000.000	255.585.000.000	120.165.000.000	990.000.000	136.410.000.000	136.410.000.000
Ngân hàng Bangkok - Chi nhánh Hà Nội [2]	1.864.000.000	1.864.000.000	-	466.000.000	2.330.000.000	2.330.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên [10]	436.416.000	436.416.000	-	163.644.000	600.060.000	600.060.000
<b>Tổng</b>	<b>735.482.321.029</b>	<b>735.482.321.029</b>	<b>1.635.881.001.973</b>	<b>1.538.692.618.910</b>	<b>638.293.937.966</b>	<b>638.293.937.966</b>

[1] Hợp đồng cấp tín dụng số HNI-18-007 tháng 1/2018, Bao gồm:

+ Hạn mức tín dụng vay ngắn hạn: 5.000.000 USD, thời hạn giải ngân: 31/1/2018. Kỳ hạn tối đa 12 tháng. Mục đích vay: Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động của Khách hàng bao gồm thanh toán LC phát hành bởi ngân hàng. Thời hạn giải ngân đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa 8 tháng, trong trường hợp khoản vay được sử dụng để thanh toán LC trả chậm thì kỳ hạn mỗi khoản vay cùng với thời hạn thanh toán trả chậm tối đa là 08 tháng. Lãi suất: chi phí vốn của Ngân hàng đối với loại tiền và kỳ tính lãi của Khoản giải ngân liên quan cộng với 1% một năm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

#### 5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- + Hạn mức phát hành và chấp nhận thanh toán thư tín dụng số tiền 3.000.000 USD. Mục đích: hỗ trợ việc phát hành, sửa đổi Thư tín dụng thương mại trả chậm hoặc trả ngay và chấp nhận các hối phiếu được xuất trình theo LC trả chậm phát hành bởi ngân hàng. Thời hạn phát hành đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa lên đến 12 tháng cho mỗi LC phát hành bởi ngân hàng và lên đến 03 tháng cho mỗi Chấp nhận thanh toán LC trả chậm bởi Ngân hàng. Trong trường hợp khoản vay được sử dụng để thanh toán LC trả chậm thì kỳ hạn mỗi khoản vay cùng với thời hạn thanh toán trả chậm tối đa là 08 tháng;
- + Hạn mức bảo lãnh ngân hàng số tiền 3.000.000 USD. Các loại bảo lãnh: Thư tín dụng dự phòng; Bảo lãnh thanh toán trước; Bảo lãnh dự thầu; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh thanh toán; Bảo lãnh theo yêu cầu. Mục đích: Nhằm cung cấp hạn mức cho việc phát hành các Bảo lãnh ngân hàng, đặc biệt là Bảo lãnh thanh toán cho các nhà cung cấp. Thời hạn phát hành đến và bao gồm ngày 31/01/2019. Thời hạn tối đa lên đến 14 tháng cho mỗi Bảo lãnh ngân hàng.
- [2] Thỏa thuận tín dụng số BBL-HN 02/2016 ngày 03/03/2016 với tổng hạn mức: 10.000.000 USD. Mục đích: Tài trợ nhu cầu vốn huy động và các chi phí hoạt động khác được ngân hàng chấp thuận. Lãi suất: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng. Thời hạn vay: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng. Khoản vay được bảo lãnh bằng Thư tín dụng dự phòng trị giá 10.000.000 USD do Ngân hàng Saitama Bank Limited phát hành.
- Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02 ngày 31/3/2017, hạn mức tín dụng là 7.000.000 USD; Cấp bổ sung khoản vay trung hạn là 2.330.000.000 đồng để xây dựng Bể chứa khí gas mới. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất theo Chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 2%/năm.
- Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03 ngày 25/12/2017, thời hạn giải ngân của Khoản vay Trung hạn được gia hạn đến ngày 31/1/2018;
- Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 22/6/2018, tăng hạn mức tín dụng kết hợp lên là 10.000.000 USD từ 7.000.000.00 USD. Tài sản đảm bảo là Thư tín dụng Dự phòng trị giá 10.000.000 USD do Ngân hàng Saitama Resona Bank Limited phát hành.
- [3] Công ty ngân hàng Bangkok ngày 17 tháng 07 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm, được tính và trả vào mỗi tháng. Mục đích: Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo. Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/ năm.
- [4] Hợp đồng tín dụng số MIC.DN.813.110118 ngày 18/01/2018. Hạn mức cho vay là 4.753.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh gas khí hóa lỏng. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: được quy định trong kế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp: Phương tiện vận tải trị giá 7.233.000.0000 đồng.
- [5] Vay ngắn hạn cá nhân của ông Trần Quốc Bửu theo hợp đồng vay số 02/2018/HDVTS/TQB-GDS ngày 19/11/2018, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: sử dụng để đầu tư và kinh doanh, lãi suất 8%/năm (một năm có 365 ngày), thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian trả lãi và gốc vay không được chậm hơn 31/03/2019. Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo
- [6] Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Minh Thông theo hợp đồng vay số 01/2018/HDVTS/NMT-GDS ngày 19/11/2018, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: sử dụng để đầu tư và kinh doanh, lãi suất 8%/năm (một năm có 365 ngày), thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian trả lãi và gốc vay không được chậm hơn 31/03/2019. Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

- [7] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/12/2014:
- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 7.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức : Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh.
  - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
  - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biến công với lãi suất tham chiếu, công với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biến là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
  - Ngày hết hạn giải ngân : 22/12/2015. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
  - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- [8] Hợp Đồng chung về các giao dịch tín dụng và phụ lục hợp đồng tin dụng số FL/082/15 được ký giữa Công ty và Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 7.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
  - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
  - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 01/04/2015 đến ngày 16/03/2016. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
  - Lãi suất : 0,5%/ năm trên chi phí vốn của ngân hàng.
  - Phí phát hành thư bảo lãnh : 1% một năm( tính theo số tháng của kỳ bảo lãnh) tối thiểu 520.000 VND.
- [9] Công ty vay Công ty Saisan theo các hợp đồng vay vốn:
- Vay dài hạn của Công ty Saisan theo hợp đồng vay ngày 03/01/2017. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/08/2017. Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 30/10/2017. Số tiền vay là 6.000.000 USD, lãi suất 2%/năm. Thời hạn trả lãi: 6 tháng 1 lần. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 25/12/2024.
  - Khoản vay dài hạn được điều chỉnh theo phụ lục 1 ngày 05/10/2018 từ khoản vay ngắn hạn của Công ty Saisan theo hợp đồng ngày 20/09/2017. Số tiền vay là 5.000.000 USD, lãi suất tiền vay tăng lên 3%/năm tính từ ngày 05/10/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: đến 11/03/2023.
- [10] Hợp đồng cho vay số 12451.17.037.282843.TD ngày 21/8/2017 với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên. Số tiền vay: 673.487.640 đồng. Mục đích: Thanh toán tiền mua 2 xe ô tô ISUZU cabin chassis. Thời hạn vay: 48 tháng . Thời hạn rút vốn: tối đa 2 tháng kể từ ngày 03/7/2017. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là 2 xe ô tô ISUZU cabin chassis.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

## 5.18 Vốn chủ sở hữu

## a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.776.564.318	-	8.194.908.379	2.634.502.091	387.435.044.888
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	44.200.297.165	47.959.569	44.248.256.734
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	44.110.042.557	40.189.084	44.150.231.641
Tăng khác	-	-	-	-	-	90.254.608	7.770.485	98.025.093
Giảm trong năm	-	-	-	7.770.485	-	7.467.908.400	90.254.608	7.565.933.493
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	7.467.908.400	-	7.467.908.400
Giảm khác	-	-	-	7.770.485	-	-	90.254.608	98.025.093
Số dư tại 31/12/2017	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.768.793.833	-	44.927.297.144	2.592.207.052	424.117.368.129
Số dư tại 01/01/2018	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.768.793.833	-	44.927.297.144	2.592.207.052	424.117.368.129
Tăng trong năm	-	-	-	461.441.348	356.546.460	57.873.472.286	21.010.200.110	79.701.660.204
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	56.945.936.391	(1.913.021.298)	55.032.915.093
Tăng do hợp nhất	-	-	-	461.441.348	356.546.460	927.535.895	22.923.221.408	24.668.745.111
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	22.403.725.200	-	22.403.725.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	22.403.725.200	-	22.403.725.200
Số dư tại 31/12/2018	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.230.235.181	356.546.460	80.397.044.230	23.602.407.162	481.415.303.133

## b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	4.674.000.000
Các cổ đông khác	166.860.030.000	166.860.030.000
<b>Tổng</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>373.399.290.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B.09-DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.403.725.200	7.467.908.400

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>387</b>	<b>387</b>
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>37.339.542</b>	<b>37.339.542</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của Công ty**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.230.235.181	1.768.793.833
<b>Tổng</b>	<b>2.230.235.181</b>	<b>1.768.793.833</b>

**5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán gas (LPG)	2.713.371.357.229	1.902.081.901.830
Doanh thu bán hàng khác	14.601.736.129	40.461.553.496
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	15.764.004.162	11.210.934.574
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.065.021.160	5.442.948.721
<b>Tổng</b>	<b>2.778.802.118.680</b>	<b>1.959.197.338.621</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	136.869.966.480	49.255.525.062
- Chiết khấu thương mại	125.790.864.344	49.255.525.062
- Giảm giá hàng bán	2.032.755.885	-
- Hàng bán bị trả lại	9.046.346.251	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.641.932.152.200</b>	<b>1.909.941.813.559</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán gas (LPG)	2.109.734.720.329	1.464.804.259.542
Giá vốn bán hàng khác	11.734.946.954	34.353.300.055
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.066.471.633	1.901.526.923
<b>Tổng</b>	<b>2.141.536.138.916</b>	<b>1.501.059.086.520</b>

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.718.657.709	3.851.006.958
Lãi bán khoán đầu tư	-	190.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	319.929.702	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	257.235.000	291.215.039
<b>Tổng</b>	<b>6.295.822.411</b>	<b>4.142.411.997</b>

**5.22 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	27.398.616.015	19.205.602.554
Chuyển nhượng vốn góp	240.924.138	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.215.239.968	1.750.707.321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(240.924.138)	-
Chi phí tài chính khác	1.426.128.582	-
<b>Tổng</b>	<b>41.039.984.565</b>	<b>20.956.309.875</b>

**5.23 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	151.988.518.821	113.884.910.356
Chi phí phân bổ mua vỏ bình gas	56.323.873.103	57.788.283.173
Phí thay van, sửa, kiểm định vỏ bình gas	8.141.685.374	17.485.897.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.329.008.390	4.218.253.876
Chi phí bán hàng khác	111.976.280.698	85.880.500.501
<b>Tổng</b>	<b>332.759.366.386</b>	<b>279.257.845.593</b>

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lương nhân viên	18.613.943.338	14.299.656.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	691.004.578	497.969.195
Phân bổ lợi thế thương mại	23.449.669.418	27.984.565.020
Chi phí quản lý khác	35.511.523.377	40.614.592.407
<b>Tổng</b>	<b>78.266.140.711</b>	<b>83.396.783.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.25 Thu nhập/chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	1.639.967.122	8.987.215.928
Các khoản khác	8.674.994.157	14.011.638.371
<b>Tổng</b>	<b>10.314.961.279</b>	<b>22.998.854.299</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	581.807.819	
Các khoản khác	27.265.930	66.965.414
<b>Tổng</b>	<b>609.073.749</b>	<b>66.965.414</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>9.705.887.530</b>	<b>22.931.888.885</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>67.618.036.414</b>	<b>61.689.065.111</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>26.983.046.145</b>	<b>46.166.543.628</b>
Chi phí không được trừ	26.983.046.145	46.166.543.628
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>-</b>	<b>15.207.298.671</b>
Thu nhập khác	-	15.207.298.671
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>94.601.082.559</b>	<b>92.648.310.068</b>
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập không chịu thuế	50.505.441.774	9.454.142.718
Thu nhập chịu thuế	44.095.640.785	83.194.167.350
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.819.128.157</b>	<b>16.638.833.470</b>
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	858.832.193	-
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.677.960.350</b>	<b>16.638.833.470</b>

**5.27 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>2.331.160.971</b>	<b>1.674.000.000</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.331.160.971	1.674.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.945.936.391	44.110.042.557
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.945.936.391	44.110.042.557
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.525</b>	<b>1.181</b>

**5.29 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.840.584.513	113.744.225.777
Chi phí nhân công	178.600.479.215	143.166.021.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.359.736.807	13.270.191.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.322.535.215	71.746.484.581
Chi phí khác bằng tiền	59.331.529.454	72.961.236.924
<b>Tổng</b>	<b>445.454.865.204</b>	<b>414.888.160.622</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.270.253.771	1.903.368.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua, sơn, sửa, kiểm định vỏ chai LPG	62.483.740.000	52.432.296.000
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán hàng	1.888.510.497	2.592.678.664
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Bán LPG	49.686.502.647	18.365.666.734
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Cho vay	-	5.370.000.000
		Bán LPG	74.734.143.495	45.124.152.729
		Cho vay	-	4.600.000.000
		Bán LPG	37.260.153.172	35.547.618.749
		Cho vay	-	4.261.204.018
Phái thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Thủ hồi, bù trừ nợ	5.000.040.000	5.005.495.125
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Cho vay	-	250.085.000.000
		Phi bảo hiểm	461.899.500	-
		CP bảo lãnh tín dụng	225.383.888	-

**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu</b>				
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Trả trước người bán	149.650.900	-
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG	13.884.085.176	4.301.363.618
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Nợ tiền vay	5.520.000.000	5.370.000.000
		Bán LPG	9.067.180.575	2.725.238.751
		Nợ tiền vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	12.263.783.407	6.276.853.945
		Nợ tiền vay	8.217.320.000	4.261.204.018
Phái thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Trả thay phải thu Công ty Xăng Dầu An Pha	14.443.187.558	19.443.227.558
Phái thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Phái thu lại tiền ứng mua Cổ phần Công ty Xăng Dầu Đông Phương	9.410.327.455	9.410.327.455
<b>Phải trả</b>				
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Tiền mua, Sửa chữa, kiểm định vỏ chai LPG	6.987.216.981	14.281.436.400
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Nợ vay	255.585.000.000	250.085.000.000



**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.788.635.035	61.960.539.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	361.809.387.985	330.730.215.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.533.338.057	127.860.000.000
<b>Tổng</b>	<b>468.131.361.077</b>	<b>520.550.754.611</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	735.482.321.029	638.293.937.966
Phải trả người bán và phải trả khác	305.171.884.444	250.928.937.949
Chi phí phải trả	21.573.693.451	2.657.780.734
<b>Tổng</b>	<b>1.062.227.898.924</b>	<b>891.880.656.649</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	243.939.170.613	61.232.713.831	305.171.884.444
Chi phí phải trả	21.573.693.451	-	21.573.693.451
Các khoản vay	477.596.905.029	257.885.416.000	735.482.321.029
<b>Tổng</b>	<b>743.109.769.093</b>	<b>319.118.129.831</b>	<b>1.062.227.898.924</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	217.381.587.168	33.547.350.781	250.928.937.949
Chi phí phải trả	2.657.780.734	-	2.657.780.734
Các khoản vay	498.953.877.966	139.340.060.000	638.293.937.966
<b>Tổng</b>	<b>718.993.245.868</b>	<b>172.887.410.781</b>	<b>891.880.656.649</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.788.635.035	-	56.788.635.035
Phải thu khách hàng và phải thu khác	277.515.765.423	84.293.622.562	361.809.387.985
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.533.338.057	-	49.533.338.057
<b>Tổng</b>	<b>383.837.738.515</b>	<b>84.293.622.562</b>	<b>468.131.361.077</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.960.539.248	-	61.960.539.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.222.460.108	89.507.755.255	330.730.215.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.860.000.000	-	127.860.000.000
<b>Tổng</b>	<b>431.042.999.356</b>	<b>89.507.755.255</b>	<b>520.550.754.611</b>

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Người lập



Huỳnh Bửu Tuấn

Kế toán trưởng



Huỳnh Bửu Tuấn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan